

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/DS-PT
Ngày 28-02-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch

Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Song Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 469/2022/TLPT-DS ngày 21/12/2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ 4, khu phố Tân An, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ 4, khu phố Tân An, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; ủy quyền cho ông Phan TN, sinh năm 1980; địa chỉ: 198/6N Man Thiện, tổ 9, khu phố 5, phường TNP, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Trần Tuấn Kiệt, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ 2, khu phố Vĩnh Trường, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2023), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Văn S, sinh năm 1968; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Hồ S M1, sinh năm 1995; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Ông Bùi VT, sinh năm 1994; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Ông Hồ SD, sinh năm 2000; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ 4, khu phố Tân An, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Ngô Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ông Nguyễn Văn Th là chủ sử dụng phần đất có diện tích 762m² thuộc thửa đất số 921, tờ bản đồ số 18, toạ lạc tại phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc phần đất nêu trên là do ông Th nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị Cương (mẹ ruột bà Ngô Thị M) vào tháng 6/2004, khi chuyển nhượng thì đã thực hiện việc đo đạc, cắm mốc rõ ràng. Phần đất nêu trên ông Th đã được UBND huyện (nay là thị xã) TU cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 075796, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00738 ngày 17/4/2006 mang tên Nguyễn Văn Th. Từ thời điểm nhận chuyển nhượng phần đất này, ông Th đã trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định cho đến nay và không có tranh chấp với ai. Phần đất có tứ cận như sau: hướng Đông giáp thửa đất số 981 của bà Ngô Thị M (tách từ thửa 107), hướng Tây giáp thửa đất số 106, hướng Nam giáp đường đất, hướng Bắc giáp thửa đất số 64. Hướng Đông phần đất của ông Th giáp với thửa đất số 981 của bà Ngô Thị M có hàng rào lưới B40 làm ranh (do bà Ngô Thị M xây dựng) từ thời điểm bà Ngô Thị M nhận chuyển nhượng từ mẹ ruột là bà Trần Thị Cương khoảng năm 2007 đến nay và không có ai tranh chấp hay ý kiến gì. Đến đầu tháng 10/2020, bà Ngô Thị M tự ý chỉnh sửa một phần hàng rào lưới B40 (phía giáp đường) và lấn sang một phần thửa đất số 921 của ông Th. Nhận thấy, hành vi của bà M là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th nên ông Th đã nhiều lần liên hệ đến bà M yêu cầu tháo dỡ phần hàng rào để trả lại cho ông Th phần đất nêu trên nhưng bà M không đồng ý mà cho rằng đó là đất của bà. Do đó, ông Th đã làm đơn yêu cầu UBND phường TH tổ chức hoà giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Th và bà M. Ngày 28/01/2021, UBND phường TH tổ chức hoà giải tranh chấp quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông Th, tại buổi hoà giải thì bà M vẫn không đồng ý, mặc dù đã được các cán bộ phường ra sức vận động để bà M trả lại diện tích lấn chiếm của ông Th nên UBND phường TH đã lập biên bản hoà giải không thành cùng ngày. Ông Th thống nhất với kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá, không có ý kiến gì khác. Do ranh đất giữa ông Th và Miếu bà Chúa Sứ Cây Sanh là một đường xéo nên trước đây ông Th có cho phía Miếu một phần đất khoảng 0,5m² để Miếu xây tường rào cho vuông với đường, còn phía Miếu để cho ông Th sử dụng một phần đất của Miếu ở giáp đường. Theo kết quả đo đạc thì phần diện tích Miếu xây dựng trên đất của ông Th là 2,9m² thì ông Th thống nhất, không có ý kiến. Khi nhận chuyển nhượng đất từ bà Cương thì bà Cương đã cắm ranh đất và bàn giao cho ông Th. Sau đó, bà M tiến hành xây dựng hàng rào bằng tường gạch, trụ bê tông, lưới B40 theo phần ranh hai bên xác định, đến năm 2020, phía bà M tự đập một phần hàng rào này phía giáp đường và làm lại phần hàng rào tạm sang bên đất của ông Th như hiện nay nên hai bên phát sinh tranh chấp. Do đó, ông Th khởi kiện, yêu cầu Tòa

án giải quyết: Yêu cầu bà Ngô Thị M cùng ông Hồ Văn S, bà Hồ S M1, ông Bùi VT, ông Hồ SD tháo dỡ, di dời phần mái che có diện tích $8,7m^2$, hàng rào bằng lưới B40 dài 8,2m để trả lại cho ông Nguyễn Văn Th phần đất diện tích $55m^2$, tọa lạc tại phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

*** Bị đơn trình bày:**

Ông Nguyễn Văn Th là chủ sử dụng thửa đất liền kề tại thửa đất số 921. Nguồn gốc phần đất do ông Th nhận chuyển nhượng của mẹ ruột bà M là bà Trần Thị Cương vào ngày 21/6/2004 và giao cho ông Th tự làm thủ tục để tách thửa, đến năm 2006 thì ông Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi chuyển nhượng, bà Cương chỉ chuyển nhượng cho ông Th phần đất với diện tích là $762m^2$. Bà M là chủ sử dụng phần đất diện tích $398m^2$, tại thửa đất số 981, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01320, do UBND huyện TU cấp ngày 29/01/2007 mang tên bà Ngô Thị M. Nguồn gốc đất do mẹ ruột bà M là bà Trần Thị Cương tặng cho. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà M và ông Th có thống nhất ranh giới đất, hai bên có cắm cột mốc làm ranh. Năm 2007, bà M tiến hành xây dựng nhà ở. Năm 2013, bà M tiến hành xây dựng hàng rào làm ranh đất giữa đất bà M và ông Th, bà M đã xây hàng rào (chân xây gạch, trụ bê tông gắn lưới B40) thẳng từ mép đường đến cuối đất. Tuy nhiên, sau khi xây dựng xong thì bà M phát hiện hàng rào xây dựng chưa hết đất nên bà M có dỡ một phần hàng rào phía giáp đường và chỉnh lại như hiện nay. Ngoài phần hàng rào này thì bà M vẫn còn một phần đất để làm lối đi dọc hàng rào nhằm hái lá mơ. Đầu năm 2021, ông Th cho rằng phần hàng rào mà bà M chỉnh lại lấn một phần đất của ông Th nên đã khiếu nại và hai bên đã tiến hành hòa giải tại phường TH. Khi hòa giải, hội đồng hòa giải đã tiến hành đo đạc lại đất của hai bên nhưng do cách đo đạc không chính xác nên bà M không thống nhất với kết quả đo đạc của hội đồng hòa giải phường, vì vậy việc hòa giải không thành. Theo bà M thì trước đây ông Th có cho Miếu bà Chúa Sứ Cây Sanh một phần đất và phía Miếu đã xây dựng hàng rào, ranh đất của ông Th phải tính từ vách tường của Miếu đo qua hướng đất bà M với tổng diện tích đất là $762m^2$, tuy nhiên khi đo đạc thì ông Th lại chỉ ranh chừa ra một phần là không chính xác. Hiện trạng đất hai bên có thiếu một phần là do khi làm đường nhựa thì nhà nước có lấy đất hai bên để làm đường. Bà M xác định không có lấn chiếm đất của ông Th nên không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Th. Ông Th nhận chuyển nhượng diện tích đất của bà Cương diện tích $762m^2$ thì cứ lấy đủ diện tích $762m^2$. Đối với phần hàng rào do bà M xây dựng để phục vụ công việc (cho cây lá mơ leo và chừa lối đi để hái lá mơ).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông, bà Hồ Văn S, Hồ S M1, Bùi VT, Hồ SD trình bày:** Thống nhất ý kiến của bị đơn bà Ngô Thị M, không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th đối với bị đơn bà Ngô Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông, bà Hồ Văn S, Hồ S M1, Bùi VT, Hồ SD về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Bà Ngô Thị M, ông Hồ Văn S, bà Hồ S M1, ông Bùi VT, ông Hồ SD cùng có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời phần mái che có diện tích $8,7m^2$, hàng rào bằng lưới B40 dài $8,2m$ để trả lại cho ông Nguyễn Văn Th phần đất diện tích $55m^2$, tọa lạc tại phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Phần đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất còn lại của bà M (thửa đất số 981), hướng Tây giáp phần đất còn lại của ông Th (thửa đất số 921), hướng Nam giáp đường nhựa, hướng Bắc giáp thửa đất số 1563.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2022, bà Ngô Thị Mười là bị đơn có đơn kháng cáo, nội dung cho rằng: Bản án sơ thẩm không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử lại phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, người đại diện của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Diện tích đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và bị đơn nếu tính luôn diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thì đất nguyên đơn và bị đơn đều thiếu diện tích. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ khi nhà nước mở rộng đường đã lấy diện tích đất của các đương sự là bao nhiêu và theo bản vẽ của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã TU cũng chưa xác định được diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất nào. Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nhưng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn Thái (sau đây viết là nguyên đơn) khởi kiện bà Ngô Thị Mười (sau đây viết là bị đơn) yêu cầu bị đơn tháo dỡ hàng rào lưới B40, mái che trả lại cho nguyên đơn diện tích đất $55m^2$. Nguyên đơn cho rằng: Đất của nguyên đơn thuộc thửa số 921 liền kề thửa đất số 981 của bị đơn. Trước đây, ranh giới hai thửa đất, bị đơn có xây hàng rào lưới B40 để phân ranh. Đến năm 2020, bị đơn tự ý sửa một phần hàng rào giáp đường lấn sang thửa đất 921 của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện với yêu cầu nêu trên.

[2] Bị đơn khai: Bị đơn sử dụng thửa đất số 981 có nguồn gốc được mẹ là bà Cương tặng cho. Bị đơn đã xây cất nhà ở năm 2007. Năm 2013, bị đơn xây dựng hàng rào, móng gạch trụ bê tông, lưới B40 để phân ranh đất. Do xây chưa

hết đất sau đó bị đơn xây thêm một đoạn hàng rào lưới B40, hướng giáp đường và xây trên thửa đất 981 của bị đơn. Bị đơn xác định việc xây dựng hàng rào lưới B40 không lấn chiếm đất của nguyên đơn, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo hồ sơ quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công văn số 2449/CNTU-ĐK ngày 05/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã TU thì: Thửa đất số 921, tờ bản đồ số 18, diện tích 762m^2 tọa lạc tại phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, nguyên đơn được UBND huyện TU (nay là thị xã TU) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/4/2006, có nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Cương (mẹ của bị đơn). Thửa đất số 981, tờ bản đồ số 18, diện tích 398m^2 tọa lạc tại phường Tân Vĩnh Hiệp (liền kề thửa đất số 921), bị đơn được UBND huyện TU (nay là thị xã TU) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/01/2007, có nguồn gốc: Nhận thừa kế của cha là ông Ngô Văn Liêu.

[4] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Trích lục địa chính ngày 06/6/2022 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã TU thực hiện đo đạc thì diện tích đất tranh chấp là 55m^2 . Thửa đất số 921 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn, diện tích 762m^2 , đo đạc thực tế diện tích $727,8\text{m}^2$ (bao gồm diện tích đất 55m^2) thiếu $34,2\text{m}^2$. Thửa đất số 981 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bị đơn có diện tích 398m^2 , đo đạc thực tế diện tích $360,7\text{m}^2$ (bao gồm diện tích đất 55m^2), thiếu $37,3\text{m}^2$. Tại tòa, nguyên đơn và đại diện bị đơn đều xác định vào năm 2012, nhà nước mở rộng đường có lấy vào một phần đất của các bên để làm đường nhưng không đền bù và cũng không có giấy tờ, các bên cũng không có khiếu nại. Thửa đất số 981 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bị đơn thì cạnh hướng nam giáp đường có chiều ngang 07m, cạnh hướng bắc có chiều ngang 07m. Qua đo đạc thực tế thì bị đơn vẫn sử dụng đất đúng cạnh chiều ngang hướng nam, giáp đường đất là 07m ($4,81\text{m} + 2,19\text{m}$) và cạnh hướng bắc là 07m, mốc giới của thửa đất ổn định, phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn và bị đơn xây hàng rào lưới B40 đúng ranh và thuộc thửa đất số 981 của bị đơn thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 921, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn có cạnh hướng đông giáp thửa 107 (nay là thửa 981 của bị đơn); cạnh hướng Tây giáp thửa 106 (nay là thửa 106 và thửa 1706); cạnh hướng Bắc có chiều ngang 15m, cạnh hướng nam giáp đường 15,5m. Qua đo đạc thực tế thì thửa đất số 921 của nguyên đơn có cạnh hướng bắc 15m, phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp; cạnh hướng nam giáp đường nhựa 13,31m và còn có thêm một đoạn chiều ngang tiếp giáp đường nhựa kéo dài qua thửa đất số 1706 của Miếu bà Chúa Sứ Cây Sanh và tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 194 đến 199) và phúc thẩm, nguyên đơn cũng xác định trước đây vào năm 2010, giữa nguyên đơn và Miếu bà Chúa Sứ Cây Sanh có thỏa thuận trao đổi một phần đất để thuận tiện cho việc sử dụng đất (việc trao đổi đất hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ). Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn xây hàng rào lưới B40 đúng ranh, thuộc thửa đất 981 đã được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không lấn chiếm thửa đất 921 của nguyên đơn. Quyền sử dụng đất của bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp được nhà nước bảo hộ, phù hợp với khoản 1, khoản 4, khoản 16, Điều 3; Điều 26; khoản 5, Điều 166 Luật Đất đai và các Điều: 163, 164, 175, 176 Bộ luật Dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng: Bị đơn xây dựng hàng rào lưới B40 lấn đất của nguyên đơn và buộc bị đơn cùng chồng và các con tháo dỡ, di dời mái che, hàng rào lưới B40 trả lại cho nguyên đơn 55m² đất là không đúng pháp luật, cần sửa bản án sơ thẩm.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở. Ý kiến của Kiểm sát viên là không phù hợp. Về án phí sơ thẩm, chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Nguyên đơn phải chịu theo quy định. Án phí phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 163, 164, 175, 176 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 1, khoản 4, khoản 16, Điều 3; Điều 26; khoản 5, Điều 166; Điều 203 Luật Đất đai
- Căn cứ các Điều: 147; 148; 157; 165; khoản 2, Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều: 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Mười. Sửa Bản án số 82/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương như sau: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Thái đối với bà Ngô Thị Mười về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 55m² tọa lạc tại phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã TU, tỉnh Bình Dương (có sơ đồ kèm theo).

2. Về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản:

- Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Thái phải chịu 600.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0052383 ngày 26/4/2021 và 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006063 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Án phí phúc thẩm: Bà Ngô Thị Mười không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU, tỉnh Bình Dương hoàn trả lại cho bà Mười 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006336 ngày 12/10/2022.

- Chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn Thái phải chịu 7.370.988 đồng được trừ vào số tiền đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung